

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

AAK S1P LOW S1 PS

AAKS1PLOW

K iểu **giày sneaker** r ộ n g **rãi mái** oả

Nh ẹ như **không gian**, cứ n g như đá. Giày an toàn AAK S1P **siêu**ch ắ ng tôi hoàn toàn **không** th ủ ng thứ **kim** và mũi giày composite. Giày có khả năng ch ố n g tĩnh điệ n (ESD), đế ngoài cao su chư ố ng trơ và g hần thân giày thoáng khí.

CO_2 6.07 kg

Những vật liệu **cao** cấp hơn	ợ **may** ợ p, D
ót bên trong	i **tái** chế lướ
rong Đ	ệm **chân** SJ Memory Foam
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	Philon/cao su
u Đứng đầ	ống hợp t
i Loạ	S1 PS / SR, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng **thép**	0.510 kg
ẩn **hiêu** chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024



DBL



BLU



BLK



GRN



GRY





ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót** giày thường
xuyên hoặc miếng **lót** giày chỉnh hình
riêng **mái** thể thoả



(SR) ót bền tChống t
đây SRA/SRB/SRC/ **SR** có nghĩa là phép thử
trượt được thực hiện **trên** sàn và dầu



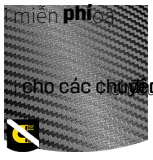
giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh
hoạt giúp chúng phù hợp với nhiều môi trường
ứng dụng: khả năng chống cắt
khả năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính
linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả
năng **trên** và nhiều l



Trọng lượng nhẹ chống **đâm**
thủng
i, siêu linh hoạt và **kiểu** nhẹ chống **đâm** thủng. Bao phủ
100% này **không** ẩm



Mũi giày an toàn composite
Không **kim**
i và nhẹ hơn dẫn nhiệt hoặc dẫn
điện



phí oả
Kim l
Giày an toàn **không** có giày an
toàn thông thường. Chúng cũng
cho các chuyên **giày**.

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n g nhiệ ần p , hậ

ường: **Môi** t

rư ờn g môi khô, b ề mặt không bằn g phẳn g

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hầ nhiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết ả	đơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu Tổ n ghệ t may , D cao cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	1.2		ời	mg/cm/g
	Top: h nuệ số ơ	? 15	21			mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ế ớ					
	L ớp lót: ấm ớ	? 2	34.59		ời	mg/cm/g
	lót: h nuệ số ơ	? 20	277			mg/cm2
rong Đ ệ m chân	SJ Memory Foam					
	ệ m chân Ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài Đ	Phlon/cao su					
	Ch ố m ngã ế ngoài (	? 150	119.4			mm
	Chư ố c ả - Ceramic + NaLS - Trư ớt ớ phía t	? 0.31	0.43			ma sát
	ớt có ả - G ố m + NaLS - Trư ớt ớ phía t	? 0.36	0.44			ma sát
	ớt SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt ớ phía t	? 0.19	0.36			ma sát
	Chư ố c ả - SR G ố m + Glycerin - Trư ớt ớ phía t	? 0.22	0.33			ma sát
	Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	650			megaohm
	ESD Giá t	0.1 - 100	21.9			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ ủ	? 20	25			J
Đ ầu ngón chân						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	NA			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	NA			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16.0			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	22.0			mm

kích thước thép: 42

a chú Giày khôn có t thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn của chú

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ết ả	đơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i CO phát thả					
	V ật l iệu		3.80		kg
	Bao bì		0.12		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			6.07 kg CO2/ cặp		

	Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ ỷ tái ch ế			
	Product		9%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán